

UBND TỈNH AN GIANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XÔ SÔ KIẾN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý II năm 2019

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

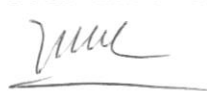
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.250.849.323.307	2.080.425.579.903
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-1.467.025.699.455	-1.273.670.689.928
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-12.625.977.500	-14.232.067.272
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		-98.053.173.252	-65.480.622.724
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		204.996.902.869	175.103.728.385
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-727.381.828.497	-786.145.007.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		150.759.547.472	116.000.921.358
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-335.000.000.000	-180.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đv khác	24		453.689.140.500	364.471.972.500
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đv khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.145.364.845	20.806.461.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		150.837.505.345	205.278.434.116
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Chủ sở hữu	36		-594.883.702.012	-420.058.497.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-594.883.702.012	-420.058.497.569
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ 50 = (20+30+40)	50		-293.286.649.195	-98.779.142.095
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		380.482.490.309	179.551.550.161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ 70 = (50+60+61)	70		87.195.841.114	80.772.408.066

LẬP BẢNG



Lâm Thị Thuỳ Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lưu Thị Huỳnh Phương

